

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM GIÀNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/HNGĐ- ST

Ngày: 24-01-2024.

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Dũng và ông Lưu Văn Quyết.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mừng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Xoa - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 201/2023/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST- HNGĐ, ngày 05 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Vũ Trường G, sinh năm 1982 (có đơn xét xử vắng mặt).

ĐKKH và cư trú: thôn QD, xã TT, huyện CG, tỉnh HD.

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị Thu H, sinh năm 1982 (vắng mặt).

ĐKKH và cư trú: thôn QD, xã TT, huyện CG, tỉnh HD.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Vũ Trường G trình bày:

Anh và chị Phạm Thị Thu H được tự do hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương vào ngày 02/02/2008 và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới tại địa phương. Anh chị sống đến năm 2021 thì mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính

cách nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Bản thân chị H là người không trung thực trong kinh tế, vay nợ của rất nhiều người mà không cho anh biết. Đến khi không có khả năng trả nợ mọi người đến nhà để đòi nợ, nhấn tin đe dọa đến các con thì anh và gia đình hai bên mới biết. Sau đó anh có hỏi chị mục đích vay tiền để làm gì thì chị thường nói dối quanh, không nói rõ mục đích vay tiền dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi nhau tình làm cho cảm lạnh nhạt ngày càng có khoảng cách, cuộc sống trở lên căng thẳng mệt mỏi, không còn sự yêu thương, quan tâm chia sẻ với nhau từ công việc đến tình cảm, anh chị mất niềm tin, không tin tưởng nhau trong cuộc sống. Do cuộc sống không hạnh phúc nên cuối năm 2021 chị đã thuê nhà ra chỗ khác sinh sống không chung sống cùng với anh và các con, không cho anh biết địa chỉ hiện nay chị ở đâu. Trong thời gian sống ly thân anh và chị không ai quan tâm đến ai mỗi người tự lo cuộc sống của mình, thỉnh thoảng chị vẫn gọi điện cho các con chỉ để hỏi thăm động viên các con. Anh xác định tình cảm vợ chồng, không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, hôn nhân không có hạnh phúc, không có biện pháp gì để hàn gắn, cố níu kéo cũng chỉ làm thêm cả hai căng thẳng mệt mỏi nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị Thu H.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có hai con chung là Vũ Khánh A, sinh ngày 28/02/2010 và Vũ Gia M, sinh ngày 06/01/2012. Hiện nay hai con chung đang do anh trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung đến khi thành niên và tự nguyện không yêu cầu chị phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh, bởi thực tế từ khi anh chị sống ly thân việc chăm sóc nuôi dưỡng con đều do một mình anh thực hiện, chị không quan tâm, không trách nhiệm gì đến con. Hiện nay anh mở công ty chuyên buôn bán sửa chữa máy tính, lắp camera thu nhập ổn định từ 20.000.000đồng đến 25.000.000đồng. Anh và các con đang sinh sống luôn tại công ty để tiện cho việc làm ăn kinh doanh của anh và thuận tiện cho các con đi học gần trường gần nhà. Nhà cửa rộng rãi đầy đủ tiện nghi sinh hoạt có đủ điều kiện để chăm sóc con chung được phát triển một cách tốt nhất. Các con của anh tự chăm sóc được bản thân.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý và quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng chị H đều không đến tham gia tố tụng tại Tòa án. Tòa án đã tiến hành làm thủ tục tổng đạt trực tiếp các văn bản cho chị H như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện; Thông báo phiên

hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bà Phạm Thị Th (là mẹ đẻ chị H nhận thay, ký vào biên bản giao nhận) và niêm yết theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng chị H không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến bằng văn bản gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương cũng như lấy lời khai của người thân hai bên gia đình đều khẳng định: tại thời điểm này chị H vẫn có hộ khẩu thường trú tại thôn QD, xã TT, huyện CG, tỉnh HD chưa làm thủ tục chuyển khẩu, cắt khẩu, đăng ký tạm vắng đi nơi khác. Thỉnh thoảng chị vẫn gọi điện thoại để hỏi thăm động viên các con trong việc học tập. Trước khi làm đơn ly hôn anh G cũng đã thông báo để chị biết anh làm thủ tục ly hôn tại Tòa án, chị đã biết nhưng không về để làm thủ tục giải quyết ly hôn và cũng không cho biết hiện nay chị ở đâu và làm gì.

Tại biên bản lấy lời khai đại diện gia đình anh G trình bày: Anh G và chị H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Trường vào năm 2008. Năm 2021 anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là về kinh tế do chị H vay nợ của nhiều người dẫn đến không trả được nợ, mọi người cho vay đã nhấn tin đe dọa đến thành viên trong gia đình khiến cuộc sống bị ảnh hưởng. Gia đình đã phải bán tài sản để trả nợ thay cho chị nhưng đến nay vẫn còn nợ, nhưng chị vẫn không trung thực tiếp tục vay vay của những người thân trong gia đình dẫn đến anh chị cãi nhau mâu thuẫn trầm trọng hơn. Khi biết được mâu thuẫn, gia đình cũng động viên hàn gắn tình cảm vợ chồng cho anh chị nhưng đều không đem lại kết quả, cuối năm 2021 anh chị sống ly thân mỗi người một nơi, chị H thuê nhà ra ngoài sống ly thân với anh G không nói cho gia đình biết địa chỉ ở đâu. Anh G làm đơn xin ly hôn gia đình tôn trọng quyết định của anh chị. Về con chung đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai đại diện gia đình chị H trình bày: Anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị như thế nào gia đình không nắm được. Gia đình chỉ biết chị H vay nợ rất nhiều tiền không biết sử dụng vào mục đích gì, gia đình cũng vay hộ một số người thân để cho chị H trả bớt nợ và vợ chồng tập trung ăn làm trả nợ dần. Mâu thuẫn của anh chị không được giải quyết mà ngày càng trầm trọng, cuộc sống anh chị không tin tưởng quan tâm nhau mà đối xử lạnh nhạt nên cuối năm 2021 chị đã thuê nhà ra chỗ khác sinh sống, không nói cho gia đình biết địa chỉ ở đâu

nhưng thỉnh thoảng vẫn liên lạc điện thoại cho gia đình và các con, không gọi cố định bằng một sim. Nay anh G làm đơn ly hôn với chị H đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung anh chị có hai con chung hiện đang sinh sống cùng anh G, đề nghị Tòa án giao con cho bên trực tiếp nuôi dưỡng phải căn cứ đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của con là tốt nhất. Về tài sản chung và công sức không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với khoản tiền mà gia đình đã vay hộ để chị H trả nợ thì không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của cháu Vũ Khánh A và Vũ Gia M đều trình bày: Trong cuộc sống bố mẹ có xảy ra mâu thuẫn và thường xuyên cãi nhau. Hiện tại bố mẹ không sống cùng nhau mà sống ly thân mỗi người một nơi, không quan tâm với nhau. Nếu Tòa án giải quyết cho bố mẹ ly hôn thì các cháu có nguyện vọng muốn được sinh sống cùng với bố.

Công văn trả lời số 27376/QLXNC-P3 ngày 15/10/2023 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an trả lời: Theo thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh: Phạm Thị Thu H sinh năm 1982 có số căn cước công dân 0301820343 cấp ngày 29/3/2023 chưa có thông tin xuất nhập cảnh.

Tại Công văn trả lời số 28761/QLXNC-P3 ngày 28/10/2023 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an trả lời: Theo thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh: Phạm Thị Thu H sinh ngày 26/9/1982 có số chứng minh nhân dân 0141988598 cấp ngày 19/01/2015 chưa có thông tin cấp hộ chiếu và thông tin xuất nhập cảnh.

Tòa án tiến hành xác minh tại Công an xã và UBND xã Cao An: Chị H không làm thủ tục đăng ký hộ khẩu thường trú và đăng ký tạm trú tại địa phương, anh chị không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại địa phương. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tòa án tiến hành xác minh tại Công an xã và UBND xã Tân Trường: Anh chị đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương vào ngày 02/02/ 2008, Việc mâu thuẫn của anh chị như thế nào địa phương không nắm được. Qua theo dõi thực tế tại địa phương anh chị sống ly thân với nhau mỗi người một nơi từ nhiều năm nay. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật làm sao đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn anh Vũ Trường G có đơn xin xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và giải quyết về con chung. Bị đơn chị Phạm Thị Thu H vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ “phải có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án” vi phạm khoản 16 theo Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Trường G ly hôn chị Phạm Thị Thu H.

+ Về con chung: Giao con chung là Vũ Khánh A, sinh ngày 28/02/2010 và Vũ Gia M, sinh ngày 06/01/2012 cho anh Vũ Trường G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Vũ Trường G không yêu cầu chị Phạm Thị Thu H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh.

+ Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Anh Vũ Trường G phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] . Về tố tụng:

- Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đơn khởi kiện của anh Vũ Trường G yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, đồng thời giải quyết về con chung của vợ chồng khi ly hôn. Xác định đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Phạm Thị Thu H là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thôn QD, xã TT, huyện CG, tỉnh HD; căn cứ

khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn anh Vũ Trường G có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Phạm Thị Thu H vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành: Triệu tập hợp lệ chị H, tổng đạt trực tiếp các văn bản cho bà Phạm Thị Th (là mẹ đẻ chị H) nhận thay, ngoài ra còn làm thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng chị H đều vắng mặt không có lý do, không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 5/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì trường hợp của chị H được xác định là cố tình giấu địa chỉ. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Trường G và chị Phạm Thị Thu H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Trương, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương vào ngày 02/02/2008 đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Một phần mâu thuẫn về kinh tế, bản thân chị vay nợ của nhiều người không nói cho anh biết, đến khi không có khả năng thanh toán trả nợ mọi người đến đòi, nhấn tin đe dọa đến các con thì anh và gia đình hai bên mới biết. Từ đó anh chị mất niềm tin, không tin tưởng nhau trong cuộc sống, không quan tâm chia sẻ với nhau từ công việc đến tình cảm mà đối xử với nhau như người xa lạ, tình cảm ngày càng có khoảng cách cuộc sống trở lên căng thẳng mệt mỏi. Anh chị sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 2021 đến nay không ai quan tâm đến ai. Lời trình bày về mâu thuẫn vợ chồng của anh phù hợp với lời trình bày của hai bên gia đình. Tòa án đã nhiều lần triệu tập báo gọi chị có mặt tại Tòa án để viết bản tự khai trình bày quan điểm của mình, lấy lời khai và tiến hành hòa giải nhưng chị đều vắng mặt, điều đó khẳng định chị không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì “...vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau”. Hội đồng

xét xử nhận thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của anh là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận giải quyết cho anh Vũ Trường G được ly hôn chị Phạm Thị Thu H.

[2.2]. Về con chung: Anh chị có hai con chung là Vũ Khánh A, sinh ngày 28/02/2010 và Vũ Gia M, sinh ngày 06/01/2012. Xét điều kiện thực tế việc chăm lo cho con chung từ khi chị H chuyển ra thuê nhà khác để sống ly thân với anh đến nay thì hai con chung đều do một mình anh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh có chỗ ở, công việc thu nhập ổn định, có thời gian chăm lo cho con chung. Các con chung đều có nguyện vọng được sinh sống cùng với anh. Hơn nữa con chung đang do anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng vẫn phát triển bình thường và để đảm bảo không làm xáo trộn cuộc sống của con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung cho anh tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên là phù hợp với các quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế. Chấp nhận sự tự nguyện của anh G không yêu cầu chị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung và công sức: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Trường G được ly hôn với chị Phạm Thị Thu H.

[2]. Về con chung: Sau khi ly hôn giao con chung là Vũ Khánh A, sinh ngày 28/02/2010 và Vũ Gia M, sinh ngày 06/01/2012 cho anh Vũ Trường G tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi thành niên.

Chấp nhận sự tự nguyện của anh Vũ Trường G không yêu cầu chị Phạm Thị Thu H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

[3]. Về án phí: Anh Vũ Trường G phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số AA/2021/0004735 ngày 04/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng. Anh Vũ Trường G đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí ly hôn sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện Cẩm Giàng;*
- *Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng;*
- *UBND xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng*
(để ghi vào sổ hộ tịch);
- *Lưu Hồ sơ vụ án;*
- *Lưu Văn phòng.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân Hà